

Bản án số: 103/2017/HSST
Ngày 07-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh
2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2017/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Phạm Thị Bích T (Tên gọi khác: Ti)

Sinh năm 1978 tại Gia Lai; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 11, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Phạm V và bà Nguyễn Thị Kim C; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23-02-2017 đến ngày 04-3-2017; hiện nay bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Ngọc H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 09, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Võ Đăng Ng (*Tên gọi khác: Bi*), sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ 5, phường Tr B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Vũ Xuân Đ1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 4, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Thị Bích T bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 23-02-2017, Phạm Thị Bích T đến quán nước giải khát của Trần Thanh Th ở lề đường Cách Mạng Tháng Tám (*thuộc tổ 4, phường H L, thành phố P*) ngồi uống nước. Lúc này đối tượng tên D (*không xác định được nhân thân, địa chỉ*) đến đưa cho T 14 gói nilon bên trong chứa thân, lá cây thực vật khô và nói với T nếu bán được 200.000 đồng thì sẽ hưởng lợi 40.000 đồng. T biết thân, lá cây thực vật khô đựng trong 14 gói nilon là ma túy dạng lá cần sa, nhưng vì hám lợi nên vẫn nhận để bán. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Bùi Ngọc H điện thoại đến hỏi mua ma túy dạng lá cần sa. T đồng ý và hẹn Hội đến quán nước của Thúy để thực hiện mua bán. Khoảng 14 giờ, T quay về quán nước thì thấy Hội đang chờ. Do Hội chỉ mua 01 gói với giá 50.000 đồng, nên T chia đôi 01 gói bên trong chứa thân, lá cây thực vật khô rồi bán cho Hội. Hội đưa cho T 200.000 đồng. Khi T đang trả lại tiền thừa cho Hội, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện. T vớt 12 gói nilon bên trong có chứa mảnh vụn thân, lá cây thực vật khô xuống đất tại vị trí của mình ngồi; Cơ quan điều tra thu trên tay Hội 01 gói nilon bên trong chứa thân, lá cây thực vật khô vừa mua của T, được niêm phong đánh số ký hiệu “VI”; thu giữ trong túi xách của T 01 gói nilon màu đỏ, bên trong có chứa mảnh vụn thân, lá cây thực vật khô, được niêm phong nhưng không đánh số ký hiệu; thu giữ trong túi áo khoác của T đang mặc 01 gói nilon, bên trong có chứa mảnh vụn thân, lá cây thực vật khô, được niêm phong và đánh ký hiệu “III”; thu giữ dưới chân nơi T đang ngồi 12 gói nilon, bên trong có chứa thân, lá cây thực vật khô, được niêm phong theo quy định và đánh số “IV”. Ngay sau đó, Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại Biên bản phạm tội quả tang, T khai nhận những gói nilon, bên trong có chứa mảnh vụn thân, lá cây thực vật khô là ma túy dạng lá cần sa, T cất giấu để bán nhằm thu lợi. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen kèm sim số và một tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng.

Qua trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số 140/C54C(Đ4) ngày 07-3-2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, thuộc Tổng Cục Cảnh sát, Bộ Công an, kết luận:

“-Phân thân, lá của cây thực vật khô ký hiệu III gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp và có tìm thấy thành phần chất AMB-FUBINACA (methyl 2-({1-[4-fluoropheny]mehtyl]-1H-indazole-3-carbonyl}amino-3-methylbutanoate); trọng lượng mẫu là 0,995gam;

-Phân thân, lá của cây thực vật khô ký hiệu IV gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp và có tìm thấy thành phần chất AMB-FUBINACA (methyl 2-({1-[4-fluoropheny]mehtyl]-1H-indazole-3-carbonyl}amino-3-methylbutanoate); trọng lượng mẫu là 4,662gam;

-Phân thân, lá của cây thực vật khô ký hiệu VI gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp và có tìm thấy thành phần chất AMB-FUBINACA (methyl 2-({1-[4-fluoropheny]mehtyl]-1H-indazole-3-carbonyl}amino-3-methylbutanoate); trọng lượng mẫu là 0,883gam;

-Phần thân, lá của cây thực vật khô đựng trong 01 túi nilon màu đỏ gửi giám định đều không tìm thấy các chất ma túy thường gặp và có tìm thấy chất AMB-FUBINACA (methyl 2-({1-[4-fluorophenyl]methyl}-1H-indazole-3-carbonyl)amino-3-methylbutanoate); trọng lượng mẫu là 4,662gam;

AMB-FUBINACA là một loại Cần sa tổng hợp (có tác dụng tương tự hoạt chất Delta 9-THC có trong Cần sa), hiện không nằm trong danh mục các chất ma túy do Chính phủ Việt Nam ban hành”.

Qua điều tra xác định: Khi nhận 14 gói nilon, bên trong chứa thân, lá của cây thực vật khô từ đối tượng tên D, T nhận thức đó là ma túy dạng lá cần sa; T nhận cất giấu 14 gói nilon bên trong có chứa thân, lá cây thực vật khô nói trên là để bán giúp cho đối tượng D nhằm hưởng tiền công. Khi bán cho Bùi Ngọc H, T tự phân chia thêm 01 gói để bán; bản thân T nhận thức rõ hành vi của mình là mua bán chất ma túy. Việc số thân, lá cây thực vật khô mà T nhận cất giấu để bán không chứa thành phần các chất ma túy là nằm ngoài ý muốn của T và bản thân T cũng không biết được việc này. Do vậy, T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với toàn bộ số thân, lá cây thực vật khô đã bị thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 22 tháng 6 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Phạm Thị Bích T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Phạm Thị Bích T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù; đề nghị Hội đồng xét xử xử tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG thu giữ của bị cáo; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 50.000 đồng bị cáo dùng để mua bán ma túy; Trả lại cho Bùi Ngọc H 150.000 đồng tiền không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy các gói nilon thân, lá cây thực vật khô sau khi giám định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thị Bích T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, thể hiện: Khoảng 12 giờ ngày 23-02-2017, tại quán nước giải khát của Trần Thanh Th ở lễ đường Cách Mạng Tháng Tám (thuộc phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai), Phạm Thị Bích T đã nhận của đối tượng tên D 14 gói nilon bên trong có chứa tổng cộng 11,202 gam thân, lá cây thực vật khô

nhằm mục đích bán giúp cho D để hưởng tiền công. Khi nhận số thân, lá cây thực vật khô này, T nhận thức rõ đó là ma túy dạng lá cần sa và hành vi của mình là mua bán chất ma túy. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi T đang bán cho đối tượng Bùi Ngọc H 01 gói nilon bên trong có chứa 0,883 gam của thân, lá cây thực vật khô mà T nhận thức đó là ma túy dạng lá cần sa, thì bị Cơ quan điều tra Công an thành phố P bắt giữ và thu toàn bộ vật chứng. T nhận thức rõ toàn bộ số thân, lá cây thực vật khô nhận từ đối tượng D là ma túy dạng lá cần sa.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Thị Bích T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự an toàn xã hội, nên cần được xử lý nghiêm.

Đối với Bùi Ngọc H, mua ma túy dạng lá cần sa với mục đích để sử dụng, nên không xử lý trong vụ án này.

Đối với đối tượng tên D, cơ quan điều tra cần tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Thị Bích T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân có hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng:

Điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen kèm sim số là công cụ, phương tiện T đã sử dụng để nhận cuộc gọi hỏi mua ma túy dạng lá cần sa của đối tượng Bùi Ngọc H, nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Số tiền 200.000 đồng là tiền của Hội trả cho T để mua 01 gói (bị cáo nhận thức là ma túy dạng lá cần sa), trong đó có 50.000 đồng là tiền dùng vào việc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 150.000 đồng của Hội không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Hội.

Số thân, lá cây thực vật khô thu giữ được khi bắt quả tang T, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, sống phụ thuộc gia đình (cha mẹ ruột) nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Bích T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Phạm Thị Bích T 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt; được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 23-02-2017 đến ngày 04-3-2017 (9 ngày).

2. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động Samsung màu đen thu giữ của bị cáo Phạm Thị Bích T.

- Tịch thu số tiền 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) thu giữ của Phạm Thị Bích T để sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả lại cho Bùi Ngọc H số tiền 150.000 đồng.

- Tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong của Phân viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại Đà Nẵng, ghi số 140/C54C (Đ).

(Tất cả theo biên báo giao nhận vật chứng ngày 02-8-2017 giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án thành phố P).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Thị Bích T phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Pleiku;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thanh Quảng